



Colors • Màu sắc tiếng Anh

Trang 1/3 • Đọc tên màu, tô chữ rồi tô bút sáp dưới cùng đúng màu đó



đỏ

red



← tô màu này



cam

orange



← tô màu này



vàng

yellow



← tô màu này

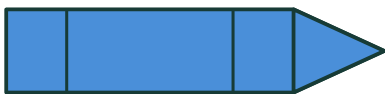


xanh lá

green



← tô màu này



xanh dương

blue



← tô màu này

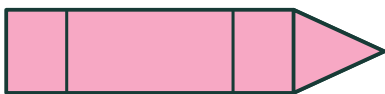


tím

purple



← tô màu này



hồng

pink



← tô màu này



nâu

brown



← tô màu này



đen

black



← tô màu này



trắng

white

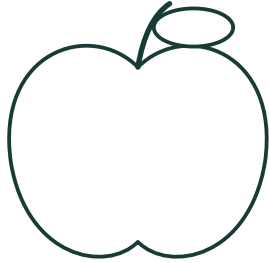


← tô màu này



Color by word • Tô màu theo chữ

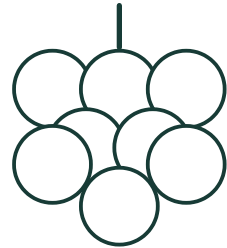
Trang 2/3 • Đọc chữ tiếng Anh dưới mỗi hình rồi tô đúng màu



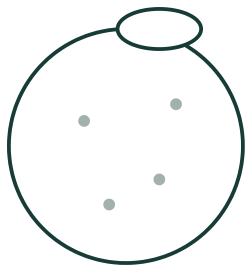
red



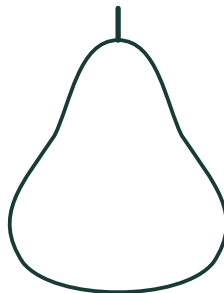
yellow



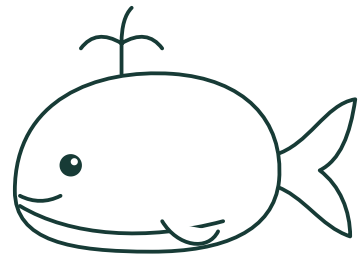
purple



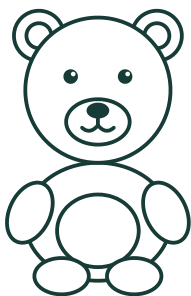
orange



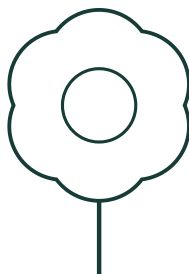
green



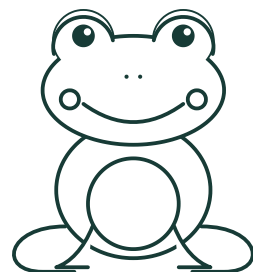
blue



brown



pink

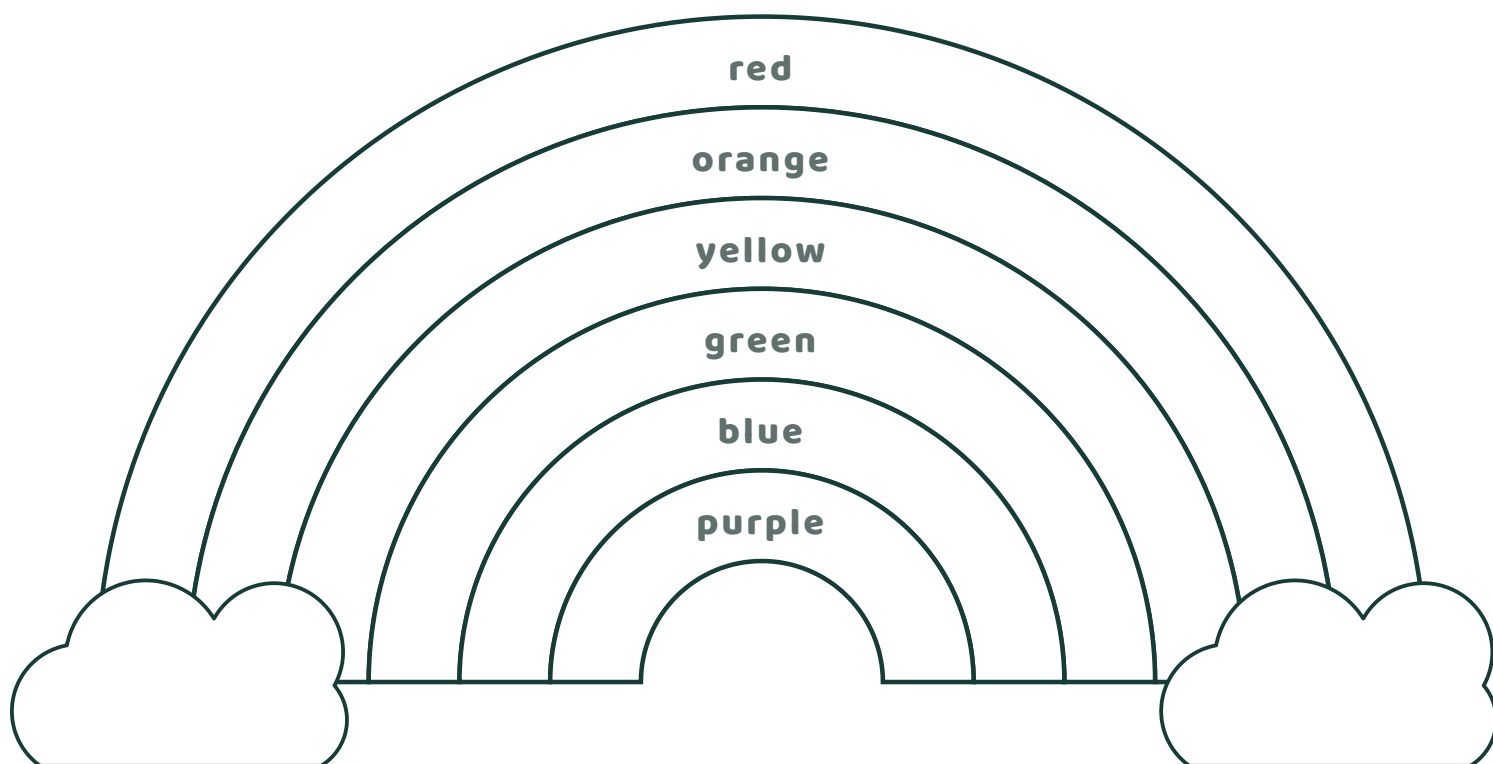
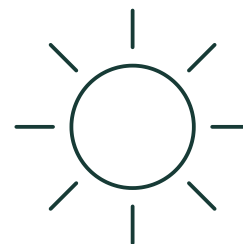


green



Rainbow · Cầu vồng theo chữ

Trang 3/3 · Tô mỗi dải cầu vồng theo tên màu tiếng Anh, rồi tô mây và mặt trời



Nói cùng bé:

Red, orange, yellow, green, blue, purple – cầu vồng có 6 màu trong tranh này.

"What color is the sun?" – "It is yellow!" (Mặt trời màu gì? – Màu vàng!)

"I like blue." – Con thích màu xanh dương. Bé thích màu gì?